

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TÁNH LINH  
TỈNH BÌNH THUẬN.**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.**

Bản án: **21/2018/DS - ST.**

Ngày: 04/6/2018.

V/v: “*Kiện đòi tài sản*”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÁNH LINH TỈNH BÌNH THUẬN**

***H phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Yến.

*Các hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Nguyễn Văn H  
2. Bà Huỳnh Thị Yến.

*Thư ký phiên tòa:* Ông Hồ Văn Khánh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa:* Bà Đinh Thị Vân Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 6 năm 2018 tại phòng xử án, Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận; xét xử sơ thẩm công KH vụ án dân sự thụ lý số: 147/2017/TLST - DS, ngày 09 tháng 10 năm 2017, về việc “*Kiện đòi tài sản*”; theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2018/QĐXXST – DS, ngày 05/01/2018, giữa các đương sự:

***Nguyên đơn:*** Hộ kinh doanh: Cơ sở Tăm tre Đ - Người đại diện: Ông Nguyễn Bá T, sinh năm 1951; địa chỉ: Thôn Đ, xã L – huyện T - Bình Thuận: Có mặt.

***Bị đơn:*** Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1948; địa chỉ: Thôn 3, xã B, huyện T - Bình Thuận: Có mặt.

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

- Nguyễn Văn T, sinh năm 1947; địa chỉ: Thôn 3, xã L, huyện H - Bình Thuận: Có mặt.

- Trịnh Xuân S, sinh năm 1947; địa chỉ: Thôn Đ, xã L, huyện T - Bình Thuận: Có mặt.

- Ông Lê Duy H, sinh năm 1949; địa chỉ: Tổ Đ - thị trấn V, huyện L, tỉnh Lâm Đồng: Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*[1] Trong đơn khởi kiện ngày và các tài liệu, chứng cứ được thu thập trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn - Hộ kinh doanh cơ sở tăm tre Đ - do ông Nguyễn Bá T đại diện trình bày như sau:*

Vào tháng 5/2015 ông Nguyễn Bá T đại diện Hộ kinh doanh cơ sở tăm tre Đ (Cơ sở tăm tre Đ) nhờ bà Nguyễn Thị H liên hệ ban quản lý rừng phòng hộ La Ngà để làm thủ tục ký kết hợp đồng khai thác lâm sản để Cơ sở tăm tre Đ được cấp giấy phép khai thác một số lâm sản phụ như Lồ ô, nứa sử dụng vật liệu sản xuất tăm tre, cây nhang. Sau khi bà Nguyễn Thị H đồng ý thì đến ngày 15/5/2015 Hộ kinh doanh cơ sở tăm tre Đ do ông Nguyễn Bá T đại diện có giao cho bà H số tiền 15.000.000đ làm chi phí đi liên hệ ký kết hợp đồng cho Cơ sở tăm tre Đ. Khi giao tiền, bà Nguyễn Thị H có ký vào giấy biên nhận và có một số người chứng kiến. Sau đó, bà Nguyễn Thị H liên hệ với Ban quản lý rừng phòng hộ La Ngà để làm thủ tục ký kết hợp đồng khai thác lâm sản phụ như tre nứa, Lồ ô; nhưng chủ hợp đồng KH thác không phải đứng tên Hộ kinh doanh Cơ sở tăm tre Đ mà do bà Nguyễn Thị H đứng tên. Sau khi ký được hợp đồng thì bà H có thông báo cho Cơ sở tăm tre Đ. Cơ sở tăm tre Đ có vào khu vực được cấp phép KH thác một lần thì bị lực lượng bảo vệ rừng ngăn chặn vì Cơ sở tăm tre Đ không có giấy phép.

Như vậy, bà Nguyễn Thị H đã nhận số tiền 15.000.000đ của Cơ sở tăm tre Đ để liên hệ với Ban quản lý rừng phòng hộ La Ngà làm thủ tục ký kết hợp đồng KH thác lâm sản phụ cho Cơ sở tăm tre Đ đứng tên, nhưng trong hợp đồng chủ khai thác là bà Nguyễn Thị H. Ông Nguyễn Bá T cho rằng bà H đã vi phạm thỏa thuận giữa các bên nên đã làm ảnh hưởng đến quyền lợi của Cơ sở tăm tre Đ. Do đó, ông Nguyễn Bá T khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị H phải trả lại số tiền 15.000.000đ.

Ngoài ra, vào thời điểm tháng 5/2015 ông Nguyễn Bá T còn đưa cho bà Nguyễn Thị H số tiền 1.000.000đ để nhờ bà H mua giùm H chiếc xe đạp thồ. Thế nhưng, đến nay vẫn chưa nhận được H chiếc xe đạp này. Cho nên, ông H yêu cầu bà H phải trả lại số tiền 1.000.000đ.

Thế nhưng, trong giai đoạn chuẩn bị xét xử cũng như tại phiên tòa ngày 09/4/2018 thể hiện bà Nguyễn Thị H có mua H chiếc xe đạp thồ và đang gửi tại nhà ông Nguyễn Duy H ở thôn 3 – xã H- huyện T. Do đó, ông Nguyễn Bá T xin rút yêu cầu khởi kiện về việc buộc bà Nguyễn Thị H phải trả lại số tiền 1.000.000đ.

*[2] Trong các tài liệu, chứng cứ được thu thập trong hồ sơ vụ án bị đơn - Bà Nguyễn Thị H trình bày như sau:*

Vào ngày 15/5/2015 bà Nguyễn Thị H có nhận từ ông Nguyễn Bá T là đại diện Cơ sở tăm tre Đ số tiền 15.000.000đ nhằm mục đích sử dụng làm chi phí để liên hệ Ban quản lý rừng phòng hộ La Ngà ký kết hợp đồng khai thác lâm sản phụ cho Cơ sở tăm tre Đ. Sau đó, bà Nguyễn Thị H đã sử dụng số tiền 15.000.000đ đi liên hệ làm thủ tục ký kết hợp đồng. Thế nhưng, do những H viên trong Cơ sở tăm tre Đ không trực tiếp liên hệ với Ban quản lý rừng phòng hộ La Ngà để ký kết hợp đồng được nên bà H là người đứng tên ký hợp đồng với Ban quản lý rừng phòng hộ La Ngà trong hợp đồng KH thác lâm sản phụ. Do Cơ sở tăm tre Đ không đồng ý cho bà

H đứng tên trong hợp đồng khai thác nên ông Nguyễn Bá T đại diện Cơ sở tắm tre Đ đã liên hệ Ban quản lý rừng Phòng hộ La Ngà ký kết hợp đồng khác. Sau đó, Ban quản lý rừng Phòng hộ La Ngà đã thanh lý hợp đồng bà H đã ký kết vào ngày 15/6/2015 H H hợp đồng khác nhau, một hợp đồng do Cơ sở tắm tre Đ đứng tên, một hợp đồng do bà Nguyễn Thị H đứng tên chủ khai thác.

Bà Nguyễn Thị H cho rằng, đã sử dụng số tiền 15.000.000đ nhận từ ông Nguyễn Bá T đã sử dụng vào mục đích liên hệ làm thủ tục ký hợp đồng KH thác lâm sản phụ cho Cơ sở tắm tre Đ. Cho nên, bà Nguyễn Thị H không đồng ý hoàn trả lại số tiền 15.000.000đ.

Đối với số tiền 1.000.000đ nhận từ Cơ sở tắm tre Đ nhờ mua giùm H chiếc xe đạp thồ. Sau khi nhận tiền, bà H đã mua H chiếc xe đạp và gửi tại nhà ông Hoàng ở thôn 3 - Huy Khiêm - Tánh Linh. Bà H đã thông báo cho Cơ sở tắm tre Đ, thế nhưng vẫn không có người đến nhận. Cho nên, bà H không đồng ý hoàn trả lại số tiền 1.000.000đ cho Cơ sở tắm tre Đ.

*[3] Trong các tài liệu, chứng cứ được thu thập trong hồ sơ vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T, ông Trịnh Xuân S, ông Lê Duy H đều trình bày như sau:*

Các ông Nguyễn Văn T, ông Trịnh Xuân S, ông Lê Duy H đều là H viên của Cơ sở tắm tre Đ và thống nhất đề ông Nguyễn Bá T là người đại diện cho Cơ sở tắm tre Đ trực tiếp giải quyết các tranh chấp với bà Nguyễn Thị H. Nếu yêu cầu của ông Nguyễn Bá T có căn cứ chấp nhận thì đề nghị Tòa án xem xét buộc bà Nguyễn Thị H phải trả tiền cho Cơ sở tắm tre Đ. Sau đó, các H viên trong cơ sở tắm tre Đ tự thỏa thuận giải quyết. Ông Nguyễn Văn T, ông Trịnh Xuân S, ông Lê Duy H không có yêu cầu gì.

*[4]. Những chứng cứ khác đã thu thập được trong hồ sơ vụ án:*

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Bá T cung cấp 01 giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (bản sao); 01 giấy biên nhận ngày 15/5/2015 thể hiện bà Nguyễn Thị H giao cho bà Trần Thị Nhân số tiền 15.000.000đ

- Bị đơn - Bà Nguyễn Thị H cung cấp 01 công văn số 50/BQLRPHLN - KT, ngày 16/10/2017 về việc trả lời đơn phúc đáp khiếu kiện của bà Nguyễn Thị H ngày 15/10/2017 của Ban quản lý rừng Phòng hộ La Ngà; 01 hợp đồng khai thác lâm sản phụ (Lô ô, nửa) số 08/2015/HĐKT - TN, ngày 15/6/2015.

- Tòa án tiến hành thu thập các tài liệu, chứng cứ: Lấy lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T, ông Trịnh Xuân S, ông Lê Duy H; 01 hợp đồng khai thác lâm sản phụ (Lô ô, nửa) số 10/2015/HĐKT - TN, ngày 06/7/2015; 01 hợp đồng KH thác lâm sản phụ (Lô ô, nửa) số 11/2015/HĐKT - TN, ngày 07/7/2015; lập các biên bản xác minh tại Ban quản lý rừng Phòng hộ La Ngà; lấy lời khai người làm chứng ông Nguyễn Duy H, ông Trần Văn T, ông Lê Văn C.

*[5]. Những vấn đề các đương sự đã thống nhất:*

Đại diện nguyên đơn - ông Nguyễn Bá T và bị đơn bà Nguyễn Thị H đều thống nhất thừa nhận: Ngày 15/5/2015, ông Nguyễn Bá T giao cho bà H số tiền 15.000.000đ để làm chi phí liên hệ Ban quản lý rừng Phòng hộ La Ngà làm thủ tục ký kết hợp đồng khai thác lâm sản phụ cho Cơ sở tắm tre Đ. Ông Nguyễn Bá T đưa cho bà H 1.000.000đ để mua H chiếc xe đạp.

*[6] Các vấn đề đương sự không thống nhất:*

- Ông Nguyễn Bá T cho rằng: Sau khi nhận số tiền 15.000.000đ bà H liên hệ Ban quản lý rừng Phòng hộ La Ngà ký kết hợp đồng không đứng tên Cơ sở tắm tre Đ mà đứng tên bà Nguyễn Thị H nên Cơ sở tắm tre Đ không thể khai thác các loại lâm sản phụ để phục vụ quá trình sản xuất nên khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị H phải trả cho Cơ sở tắm tre Đ số tiền 15.000.000đ.

- Bà Nguyễn Thị H cho rằng số tiền 15.000.000đ bà H đã sử dụng làm chi phí liên hệ Ban quản lý rừng Phòng hộ La Ngà để ký kết hợp đồng cho Cơ sở tắm tre Đ. Sau khi ký kết hợp đồng thì Cơ sở tắm tre có vào các khu vực cho phép trong hợp đồng để khai thác các lâm sản phụ. Cho nên, bà Nguyễn Thị H không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Bá T.

*Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, các đương sự và phát biểu về quan điểm giải quyết vụ án như sau:*

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân thủ theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

- Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, các đương sự chấp hành theo đúng quy định của pháp luật.

*- Quan điểm giải quyết vụ án:*

Đề nghị xem xét áp dụng:

- Khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và các Điều 146, 147, 203, 244 BLTTDS năm 2015.

- Các Điều 255, 256 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2005.

- Nghị quyết 326 về lệ phí, án phí

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Hộ kinh doanh Cơ sở tắm tre Đ.

Buộc bà Nguyễn Thị H phải trả cho Hộ kinh doanh Cơ sở tắm tre Đ 15.000.000đ.

Đình chỉ yêu cầu của Hộ kinh doanh Cơ sở tắm tre Đ về việc buộc bà Nguyễn Thị H phải trả 1.000.000đ.

Về án phí: Miễn toàn bộ án phí cho bà Nguyễn Thị H.

Trả lại cho Hộ kinh doanh Cơ sở tắm tre Đ số tiền 400.000đ tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tánh Linh.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*[1] Về quan hệ pháp luật trong vụ án:*

Ông Nguyễn Bá T - đại diện cho Cơ sở tắm tre Đ khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị H phải trả lại số tiền 15.000.000đ. Do đó, Hội đồng xét xử, định quan hệ tranh chấp trong vụ án là “*Tranh chấp về kiện đòi tài sản*” quy định tại khoản 2 Điều 26 BLTTDS và Điều 163 BLDS. Cho nên, vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh theo quy định tại khoản 1 Điều 35 BLTTDS.

*[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn - Ông Nguyễn Bá T đại diện cơ sở tắm tra Đ:*

Hội đồng xét xử xét thấy: Vào ngày 15/5/2015 ông Nguyễn Bá T đại diện cho Cơ sở tắm tre Đ giao cho bà Nguyễn Thị H số tiền 15.000.000đ nhằm mục đích để bà H sử dụng làm chi phí liên hệ cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ký hợp đồng khai thác lâm sản phụ lấy nguyên liệu phục vụ trong quá trình hoạt động của Cơ sở tắm tre Đ. Sau khi nhận tiền, bà H đã liên hệ Ban quản lý rừng Phòng hộ La Ngà làm thủ tục và đóng các chi phí để ký kết hợp đồng khai thác lâm sản phụ gồm tre nứa, lồ ô. Đến ngày 15/6/2015 giữa bà Nguyễn Thị H và Ban quản lý rừng Phòng hộ La Ngà đã ký kết hợp đồng khai thác lâm sản phụ (Lồ ô, Nứa) số 08/2015/HĐKT - TN. Sau khi ký hợp đồng này, bà H đã thông báo cho Cơ sở tắm tre Đ vào khai thác các khu vực đã được ký kết trong hợp đồng. Thế nhưng, do hợp đồng này đứng tên bà H nên khi cơ sở Tắm tre Đ vào khai thác thì bị lực lượng bảo vệ rừng ngăn chặn, không cho khai thác. Do đó, giữa Cơ sở tắm tre Đ và bà Nguyễn Thị H phát sinh tranh chấp. Cơ sở tắm tre Đ không chấp nhận việc bà H sử dụng số tiền 15.000.000đ này để liên hệ ký kết hợp đồng do bà Nguyễn Thị H đứng tên nên đã đề nghị Ban quản lý rừng phòng hộ La Ngà thanh lý hợp đồng này. Sau đó, Cơ sở tắm tre Đ đã làm thủ tục ký kết hợp đồng số: 11/2015/HĐKT - TN, ngày 07/7/2015 về việc KH thác lâm sản phụ (lồ ô, tre nứa) .

Như vậy, do bà H đã nhận số tiền 15.000.000đ nhằm mục đích giúp Cơ sở tắm tre Đ liên hệ làm thủ tục ký kết hợp đồng khai thác lâm sản phụ với Ban quản lý rừng phòng hộ La Ngà; khi làm thủ tục bà H đã sử dụng số tiền này để đóng các chi phí liên quan đến việc ký kết hợp đồng; thế nhưng, bà H không để Cơ sở tắm tre Đ

đứng tên, mà trong hợp đồng này do bà Nguyễn Thị H đứng tên là trái với thỏa thuận ban đầu giữa Cơ sở tắm tre Đ và bà Nguyễn Thị H; đã làm cho Cơ sở tắm tre Đ không thể khai thác lâm sản phụ phục vụ trong quá trình sản xuất. Thế nhưng, trên thực tế sau khi ký kết hợp đồng số 08/2015/HĐKT - TN bà H đã thông báo cho Cơ sở tắm tre Đ biết. Sau đó, Cơ sở tắm tre Đ đã cho người vào các khu vực cho phép trong hợp đồng để khai thác lâm sản phụ được khoảng 10.000đ cây tre nửa, lồ ô. Như vậy, mặc dù trong hợp đồng số 08/2015/HĐKT - TN, ngày 15/6/2015 do bà H đứng tên, nhưng Cơ sở tắm tre Đ cũng đã vào khai thác được một số lâm sản phụ nên đã hưởng lợi một phần từ hợp đồng này. Cho nên, Cơ sở tắm tre Đ phải chịu một khoản tiền liên quan đến chi phí làm thủ tục ký kết hợp đồng.

Do đó, yêu cầu khởi kiện của Hộ kinh doanh Cơ sở tắm tre Đ do ông Nguyễn Bá T đại diện buộc bà Nguyễn Thị H phải hoàn trả lại số tiền 15.000.000đ là không có căn cứ chấp nhận toàn bộ. Hội đồng xét thấy: Do Cơ sở tắm tre Đ có hưởng lợi một phần từ hợp đồng số 08/2015/HĐKT - TN, ngày 15/6/2015 do bà Nguyễn Thị H đứng tên chủ hợp đồng nên cần chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Cơ sở tắm tre Đ. Buộc bà Nguyễn Thị H phải hoàn trả lại cho Cơ sở tắm tre Đ số tiền 10.000.000đ là phù hợp với quy định tại các Điều 163, 166 BLDS năm 2015.

Đối với số tiền 1.000.000đ mà cơ sở tắm tre Đ đưa cho bà Nguyễn Thị H để mua giùm H chiếc xe đạp thồ, Hội đồng xét xử xét thấy: Mặc dù, hiện nay Cơ sở tắm tre Đ chưa nhận được H chiếc xe đạp đã nhờ bà H mua giùm, thế nhưng trên thực tế bà H đã mua H chiếc xe đạp và đã gửi tại nhà ông Nguyễn Duy Hoàng. Tại phiên tòa ngày 09/4/2018 ông Nguyễn Duy Hoàng thừa nhận hiện nay đang còn giữ H chiếc xe đạp thồ do bà H đang gửi tại nhà ông Hoàng vào khoảng tháng 11/2016. Tại phiên tòa, ông Nguyễn Bá T - đại diện hộ kinh doanh cơ sở tắm tre Đ xin rút yêu cầu về việc buộc bà H phải trả lại số tiền 1.000.000đ. Do đó, cần đình chỉ yêu cầu này là phù hợp.

*[6] Về án phí:* Do yêu cầu khởi kiện của Cơ sở tắm tre Đ được chấp nhận một phần nên bà H phải có trách nhiệm nộp tiền tạm ứng án phí DS/ST đối với yêu cầu không được chấp nhận theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, do bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1948 theo quy định tại Điều 2 Luật người cao tuổi thì bà H là người cao tuổi. Căn cứ vào quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 48 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH, ngày 30/12/2016 thì bà H thuộc trường hợp miễn nộp tiền án phí nên bà H không phải nộp án phí DS/ST theo quy định.

Hộ kinh doanh - Cơ sở tắm tre Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu không được chấp nhận là phù hợp với quy định tại Điều 147 BLTTDS và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH, ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

*[7] Xét về đề nghị của đại diện Viện kiểm sát:* Hội đồng xét xử xét thấy: Trong phần tranh luận đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh đề nghị Hội đồng

xét xử xem xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Cơ sở tạm tre Đ là không có căn cứ để chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH**

### **Căn cứ vào:**

- Khoản 3 Điều 26; khoản 1 điều 35, các điều 147, 217, 273 của Bộ luật tố tụng Dân sự.
- Các Điều 163, 166, 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015.
- Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa IV về án phí, lệ phí.

### **Tuyên xử:**

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Hộ kinh doanh: Cơ sở tạm tre Đ do ông Nguyễn Bá T đại diện đối với bà Nguyễn Thị H.

Xử buộc bà Nguyễn Thị H phải có trách nhiệm trả cho Hộ kinh doanh: Cơ sở tạm tre Đ số tiền 10.000.000đ (mười triệu đồng).

*Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm trả số tiền nêu trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi như sau:*

- + *Trường hợp các bên có thỏa thuận thì mức lãi suất không được vượt quá 20%/năm.*
- + *Trường hợp các bên không có thỏa thuận thì mức lãi suất là 10%/năm*

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của Hộ kinh doanh cơ sở tạm tre Đ về việc buộc bà Nguyễn Thị H phải hoàn trả lại số tiền 1.000.000đ.

- Về án phí: Bà Nguyễn Thị H được miễn nộp tiền án phí DS/ST.

Buộc Cơ sở tạm tre Đ phải nộp số tiền 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm, sung công quỹ Nhà nước, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí Cơ sở tạm tre Đ đã nộp là 400.000đ tại biên lai thu tiền số N0. 0012166, ngày 09/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tánh Linh. Hoàn trả lại cho Cơ sở tạm tre Đ số tiền 100.000đ.

Án xử sơ thẩm công khai; nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 04/6/2018; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án Dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự (đã giải thích quyền kháng cáo).*

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND H.T;
- CC THA DS H.T
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Thị Yến**